

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2026**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng 2018;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu năm 2024;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Công văn số 5511/BKHCN-CĐSQG ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính; Cục trưởng Cục Chuyển đổi số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- BCĐ của Chính phủ về phát triển KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06 (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công an; KH và CN; Tài chính;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, KHTC, CDS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Văn Hưng

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ
 CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 12 năm 2025
 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt nhằm tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
- Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia;
- Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;
- Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030;
- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử

phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1236/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối (blockchain) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 20/2025/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi;

- Quyết định số 1751/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia;

- Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị và quản lý dữ liệu quốc gia và Tờ diễn dữ liệu dùng chung phiên bản 1.0;

- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình phát triển Chính phủ số đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

- Kế hoạch số 02/KH-BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Quyết định số 503/QĐ-BNNMT ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 193/2025/QH15; Nghị quyết số 03/NQ-CP;

- Quyết định số 4731/QĐ-BNNMT ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Chiến lược dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

- Quyết định số 4742/QĐ-BNNMT ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Chiến lược chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

Quyết định số 5445/QĐ-BNNMT ngày 17/12/2025 ban hành Khung Kiến trúc số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Quyết định số 3090/QĐ-BKHHCN ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức vận hành ổn định, khai thác hiệu quả các nền tảng số, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và môi trường; lấy dữ liệu số làm nền

tăng trọng tâm cho công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. Đẩy mạnh số hóa, chuẩn hóa, tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý sản xuất nông nghiệp, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Từng bước ứng dụng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong giám sát, dự báo, cảnh báo sớm và hỗ trợ ra quyết định, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Tăng cường ứng dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số và dữ liệu số trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ; từng bước chuyển từ phương thức điều hành thủ công sang điều hành dựa trên dữ liệu.

- 100% nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá thông qua các hệ thống thông tin và dữ liệu số; dữ liệu theo dõi, giám sát được cập nhật đến đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

- 100% báo cáo tổng hợp, báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê của Bộ được thực hiện trên môi trường mạng, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 100% quy trình thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ được đồng bộ, thống nhất trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp Bộ; 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được cung cấp ở mức toàn trình; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần đạt tối thiểu 85%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%.

- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được cấp dưới dạng điện tử, được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; tăng cường khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính nhằm giảm giấy tờ, giảm thời gian và chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

- Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến thủ tục hành chính đúng hạn đạt 100%; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính đạt mức cao.

- 100% văn bản, hồ sơ công việc (trừ văn bản, hồ sơ có chứa nội dung bí mật nhà nước) được xử lý toàn trình trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; không xử lý song song hồ sơ điện tử và hồ sơ giấy.

- 100% thông tin, số liệu về tình hình xử lý, kết quả xử lý văn bản, hồ sơ công việc theo nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được đồng bộ với các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

- Đẩy mạnh số hóa, chuẩn hóa, tích hợp, kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và môi trường; nâng cao chất lượng dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước.

- Tổ chức vận hành ổn định, an toàn các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung và chuyên ngành của Bộ; bảo đảm kết nối, liên thông giữa các hệ thống thông tin trong Bộ và với các bộ, ngành, địa phương theo quy định.

- Từng bước nghiên cứu, triển khai ứng dụng phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo trong một số lĩnh vực phù hợp nhằm phục vụ giám sát, dự báo, cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định trong quản lý nông nghiệp và môi trường.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị chữ ký số và thực hiện định danh, xác thực thống nhất trên các hệ thống thông tin của Bộ; 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh, xác thực điện tử thông suốt theo quy định.

- 100% hệ thống thông tin của Bộ được phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; 100% hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh mạng; 100% máy chủ, máy trạm được triển khai giải pháp phòng, chống mã độc; 100% đơn vị trực thuộc Bộ bố trí bộ phận hoặc cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được phổ cập kỹ năng số cơ bản; từng bước đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Bộ.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ giao tại Nghị quyết 57-TW/NQ; Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác chuyển đổi số.

- Duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của Bộ; gắn chuyển đổi số với cải cách hành chính.

- Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ tình hình triển khai chuyển đổi số tại các đơn vị trực thuộc Bộ.

2. Thể chế, chính sách số

- Rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ phục vụ triển khai Chính phủ số, chuyển đổi số của Bộ; Tiếp tục hoàn thiện quy định kỹ thuật thống nhất về thông tin, dữ liệu, kết nối chia sẻ dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

- Ban hành hoặc cập nhật các kế hoạch, chương trình, đề án triển khai chuyển đổi số của Bộ phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW và các chương trình, chiến lược quốc gia giai đoạn 2026-2030.

- Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện các văn bản, chính sách về chuyển đổi số, dữ liệu số, an toàn thông tin trong phạm vi quản lý của Bộ.

- Duy trì, cập nhật Khung kiến trúc số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phù hợp Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

3. Hạ tầng số

- Chuẩn hóa, nâng cấp hạ tầng an toàn thông tin, an ninh mạng; bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Tiếp tục duy trì, vận hành hạ tầng số dùng chung tại Bộ, cung cấp tài nguyên lưu trữ, tính toán, xử lý cho các đơn vị thuộc Bộ, hỗ trợ các Sở Nông nghiệp và Môi trường địa phương, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Tiếp tục xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng dùng chung cho các ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số của bộ, ngành nông nghiệp và môi trường.

- Tiếp tục hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ (LGSP), kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

4. Nhân lực số

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Từng bước đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về dữ liệu số, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách chuyển đổi số.

- Tổ chức tập huấn, phổ biến, diễn tập về đảm bảo an toàn dữ liệu, an ninh thông tin, bảo vệ hạ tầng dữ liệu.

- Phối hợp với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp công nghệ trong việc nâng cao năng lực nhân lực chuyển đổi số của Bộ.

5. Phát triển dữ liệu số

- Đẩy mạnh số hóa, chuẩn hóa dữ liệu trong các lĩnh vực quản lý của Bộ; nâng cao chất lượng dữ liệu số.

- Rà soát, tích hợp, kết nối, chia sẻ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với các hệ thống thông tin, nền tảng dùng chung theo quy định.

- Tăng cường khai thác, sử dụng lại dữ liệu số phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính.

- Hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất trên cơ sở dữ liệu của các địa phương và hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu, bảo đảm điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin cho quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ dữ liệu theo quy định.

6. An toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng

- Tổ chức triển khai đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ theo cấp độ.

- Giám sát an toàn thông tin cho toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin và các Trung tâm dữ liệu của Bộ; phát hiện và xử lý kịp thời các lỗ hổng, nguy cơ mất an toàn và các cuộc tấn công mạng, không để xảy ra các sự cố mất

an toàn thông tin nghiêm trọng.

- Thường xuyên kết nối, chia sẻ dữ liệu về mã độc, giám sát với Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia (NCSC).

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh và bảo mật thông tin đối với các hệ thống thông tin của Bộ; rà soát, cập nhật bảo đảm toàn bộ máy chủ và máy trạm của Bộ được cài đặt các phần mềm phòng chống phần mềm độc hại; tổ chức khắc phục điểm yếu, gỡ bỏ mã độc cho các máy chủ tại các Trung tâm Dữ liệu và máy tính cá nhân tại các đơn vị thuộc khối cơ quan Bộ.

- Tổ chức diễn tập bảo đảm an toàn thông tin mạng và ứng cứu sự cố cho các hệ thống thông tin của Bộ.

7. Chính phủ số

- Chuyển đổi số phải gắn chặt với cải cách hành chính; tái cấu trúc quy trình, cắt giảm thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, nâng chất lượng dịch vụ công trực tuyến; thước đo là tốc độ xử lý, mức độ minh bạch, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng số, dữ liệu số phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ.

- Từng bước nghiên cứu, triển khai ứng dụng các công nghệ mới, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu, để phát triển các công cụ hỗ trợ giám sát, dự báo, cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định.

- Hoàn thành triển khai các nhiệm vụ của Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030 (Đề án 06/CP).

- Vận hành, khai thác hiệu quả hệ thống điều hành thông minh (IOC) của Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết nối với Trung tâm Thông tin, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng nền tảng số, công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Phối hợp triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo Bộ tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định số 1567/QĐ-BKHCN ngày 30/6/2025.

- Tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền việc đăng ký, sử dụng chữ ký số; phối hợp triển khai, tích hợp các giải pháp ký số, kiểm tra chữ ký số theo Thông tư số 15/2025/TT-BKHCN.

- Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp chính sách pháp luật trên các nền tảng số, sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại và đa dạng hóa các kênh truyền thông số giúp cộng

đồng dễ tiếp cận, sử dụng, nâng cao nhận thức về nông nghiệp và môi trường.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày Chuyển đổi số của Bộ.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số, Chính phủ số, dữ liệu số, an toàn thông tin.

- Chia sẻ các bài toán, sáng kiến, mô hình, cách làm hay về chuyển đổi số trong ngành nông nghiệp và môi trường.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường; gắn chặt việc triển khai chuyển đổi số với cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Xác định rõ và gắn trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu, với kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, gắn với cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

- Ban hành và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số; tăng cường đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho công chức, viên chức, người lao động và người dân, doanh nghiệp

- Nâng cao tư duy, nhận thức về chuyển đổi số, nhất là người đứng đầu và đội ngũ quản lý; đổi mới tư duy từ quản lý theo hồ sơ/giấy tờ sang quản trị dựa trên dữ liệu; từ triển khai theo phong trào sang triển khai theo mục tiêu, theo chỉ số, đánh giá trên kết quả và theo trách nhiệm người đứng đầu.

- Xây dựng và triển khai các chương trình, nội dung truyền thông về chuyển đổi số, Chính phủ số, dữ liệu số và an toàn thông tin phù hợp với từng nhóm đối tượng trong ngành nông nghiệp và môi trường.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng số gắn với thực tiễn khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số và dịch vụ công trực tuyến của Bộ.

- Đa dạng hóa hình thức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số theo hướng linh hoạt, hiệu quả (đào tạo trực tuyến, kết hợp trực tiếp - trực tuyến, tài liệu điện tử), đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số trong thực tiễn công tác.

- Quán triệt, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số gắn với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; từng bước đổi mới phương thức làm việc, xây dựng văn hóa làm việc số phù hợp với quá trình phát triển Chính phủ số.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Thực hiện các biện pháp phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số tại chỗ thông qua đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách về chuyển đổi số, dữ liệu số, an toàn thông tin.

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp trong tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhằm thu hút, giữ chân nhân lực có trình độ về công nghệ số, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo phục vụ yêu cầu chuyển đổi số của Bộ.

- Tăng cường hợp tác với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp công nghệ để tiếp cận chuyên gia, giải pháp, mô hình triển khai chuyển đổi số hiệu quả.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Đẩy mạnh nghiên cứu, thử nghiệm, từng bước ứng dụng các công nghệ số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công của Bộ.

- Ưu tiên ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực quản lý sản xuất nông nghiệp, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường hợp tác với các cơ quan nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước để tiếp cận, làm chủ và ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới phục vụ chuyển đổi số ngành.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Bố trí, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo đúng quy định để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026.

- Ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, có tác động trực tiếp đến cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu.

- Thực hiện quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng kinh phí chuyển đổi số, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

- Mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức nghiên cứu trong nước để triển khai các giải pháp, nền tảng, dịch vụ phục vụ chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng thông qua trao đổi, học tập kinh nghiệm, tham gia các sáng kiến, chương trình hợp tác quốc tế phù hợp.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp số Việt Nam tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số, chuyển đổi số trong phạm vi quản lý của Bộ theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nguyên tắc tổ chức, theo dõi thực hiện Kế hoạch

- Việc điều hành, theo dõi thực hiện Kế hoạch được thực hiện theo phương châm “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền” và trách nhiệm giải trình trong, phối hợp chặt chẽ giải quyết những thách thức gặp phải, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và hiệu quả.

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên cơ sở phân công rõ trách nhiệm, tăng cường phối hợp giữa các đơn vị liên quan, bảo đảm đồng bộ và liên thông trong toàn hệ thống. Thực hiện theo phương châm làm thực chất, làm đến nơi đến chốn; kiên trì trong mục tiêu nhưng quyết liệt trong hành động. Lấy kết quả phục vụ làm trung tâm; lấy dữ liệu làm nền tảng; lấy hiệu quả cải cách hành chính là “đầu ra” để kiểm tra, giám sát và đánh giá.

- Đảm bảo theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường số việc thực hiện các nhiệm vụ, đặc biệt là các nhiệm vụ của Nghị quyết 57-NQ/TW, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, Đề án 06/CP.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ

- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, tổ chức triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong phạm vi quản lý; bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả các nhiệm vụ, dự án được giao.

- Trên cơ sở Kế hoạch này, các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm cụ thể hóa nhiệm vụ được giao thành kế hoạch triển khai năm 2026, gắn kết chặt chẽ chuyển đổi số với cải cách hành chính và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, tiến độ thực hiện, sản phẩm đầu ra và thẩm quyền chỉ đạo, phê duyệt theo quy định.

3. Văn phòng Bộ

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, cải tiến, chuẩn hóa và tổ chức áp dụng các quy trình hành chính nội bộ trên môi trường số; thúc đẩy ứng dụng các hệ thống thông tin phục vụ quản lý hành chính nhà nước của Bộ.

- Duy trì, cập nhật thường xuyên thông tin trên Cổng thông tin điện tử và các hệ thống tác nghiệp của Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Vụ Tổ chức cán bộ

- Gắn công tác cải cách hành chính với việc triển khai chuyển đổi số tại các đơn vị thuộc Bộ, bảo đảm sự đồng bộ giữa đổi mới quy trình nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ số và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất về tổ chức bộ máy, cơ chế, chính sách và chế độ đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyển đổi số.

5. Vụ Kế hoạch - Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan ưu tiên xem xét, thẩm định và trình Bộ phê duyệt các dự án, nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số; các dự án, nhiệm vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp bố trí, cân đối kinh phí thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026; ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết về chuyển đổi số.

- Hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số theo đúng quy định của pháp luật.

6. Vụ Pháp chế

Chủ trì, phối hợp hướng dẫn việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật; đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm tạo hành lang pháp lý, điều kiện thuận lợi cho việc phát triển Chính phủ số, chuyển đổi số, tiến tới Chính phủ số trong ngành nông nghiệp và môi trường.

7. Vụ Khoa học và Công nghệ

- Hướng dẫn, thúc đẩy đổi mới quy trình kỹ thuật chuyên ngành theo hướng ứng dụng công nghệ số, lấy dữ liệu làm trung tâm; tăng cường thu thập dữ liệu số tại nguồn trong hoạt động điều tra, khảo sát, đo đạc, quan trắc của ngành nông nghiệp và môi trường.

- Tạo điều kiện, thúc đẩy việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ trong chuyển đổi số; ưu tiên các nghiên cứu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số, Chính phủ điện tử, Chính phủ số của Bộ.

8. Vụ Hợp tác quốc tế

Chủ trì, phối hợp với Cục Chuyển đổi số và các đơn vị liên quan trong việc mở rộng, thúc đẩy hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ về chuyển đổi số, dữ liệu số, nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; tham mưu, đề xuất, lồng ghép các nội dung chuyển đổi số trong các chương trình, dự án, thỏa thuận hợp tác quốc tế của Bộ theo quy định.

10. Cục Chuyển đổi số

- Là cơ quan đầu mối tham mưu về chuyên môn, kỹ thuật để tổ chức triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026; hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực hiện bảo đảm tiến độ, mục tiêu và hiệu quả.

- Hướng dẫn, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ trong việc xây dựng, thẩm định, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện các dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định.

- Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính trong việc theo dõi, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch theo thẩm quyền.

- Duy trì, phát triển, hoàn thiện, bảo đảm hoạt động an toàn, thông suốt của hạ tầng số, các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu, nền tảng số phục vụ chuyển đổi số dùng chung của Bộ.

- Hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ; hướng dẫn, thẩm định kỹ thuật, định hướng

giải pháp công nghệ trong triển khai chuyển đổi số đối với các đơn vị trực thuộc Bộ.

- Là đầu mối theo dõi, tổng hợp, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch; kịp thời báo cáo, đề xuất Lãnh đạo Bộ xem xét, chỉ đạo đối với các nội dung phát sinh, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

11. Cơ chế phối hợp, theo dõi và báo cáo

- Các đơn vị trực thuộc Bộ phối hợp chặt chẽ với Cục Chuyển đổi số và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, tránh trùng lặp, chồng chéo.

- Cục Chuyển đổi số là đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 của Bộ.

- Các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng và báo cáo đột xuất về tình hình triển khai Kế hoạch theo hướng dẫn của Cục Chuyển đổi số.

- Việc theo dõi, giám sát, tổng hợp và báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch được ưu tiên thực hiện trên môi trường số, thông qua các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ chỉ đạo, điều hành của Bộ.

- Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch, các đơn vị kịp thời phản ánh về Cục Chuyển đổi số để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục các nhiệm vụ, dự án thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2026 tại Phụ lục kèm theo./.

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2026

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kết quả đạt được, hiệu quả đem lại	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
A	XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH KỸ THUẬT, KẾ HOẠCH					
1	Xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2026.	2025	Làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thống nhất các nhiệm vụ CDS năm 2026.	NSNN	Cục Chuyển đổi số.	
2	Xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026-2030.	Quý I/2026	Định hướng dài hạn, bảo đảm triển khai CDS đồng bộ, có lộ trình.	NSNN		
3	Xây dựng, hoàn thiện ban hành Thông tư quy định Khung Kiến trúc dữ liệu, Khung Quản trị, Quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu chuyên ngành (theo Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ (khoản 2, Điều 14); Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ).	2026 - 2027	Hoàn thiện khung pháp lý, quy định kỹ thuật về dữ liệu, tạo cơ sở thống nhất triển khai chuyển đổi số.	NSNN	Các Cục chuyên ngành; Trung tâm Khuyến nông quốc gia; Văn phòng quốc gia về giảm nghèo; các đơn vị được giao quản lý CSDL quốc gia, chuyên ngành.	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kết quả đạt được, hiệu quả đem lại	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
4	Xây dựng Quy định về Khung Quản trị, Quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và môi trường.	2026	Bảo đảm đồng bộ, thống nhất về CSDL của ngành.		Cục Chuyển đổi số	
5	Xây dựng Kế hoạch năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.	2026	Cụ thể hóa nhiệm vụ Đề án 06	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
6	Cập nhật Kế hoạch của Bộ NN&MT thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số giao theo NQ 57, NQ 71 và NQ 214.	2026	Triển khai kịp thời các chủ trương lớn của Trung ương, Chính phủ.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
7	Cập nhật Khung Kiến trúc số của Bộ NN&MT.	2026	Chuẩn hóa kiến trúc tổng thể, làm cơ sở đầu tư, kết nối, tích hợp.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
8	Cập nhật Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, Danh mục dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	2026	Tăng cường chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
9	Xây dựng Quy định về quản lý, công bố, cung cấp, chia sẻ, khai thác sử dụng thông tin dữ liệu nông nghiệp và môi trường.	2026	Hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng dữ liệu thống nhất toàn ngành.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
10	Xây dựng Quy định về bảo mật, an toàn thông tin dữ liệu nông nghiệp và môi trường.	2026	Nâng cao mức độ an toàn, bảo mật dữ liệu ngành.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
11	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.	2026	Cập nhật định mức KTKT phù hợp thực tiễn và công nghệ mới.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
12	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận	2026	Cập nhật định mức KTKT phù hợp thực tiễn và công nghệ mới.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kết quả đạt được, hiệu quả đem lại	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
	hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường.					
13	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.	2026	Cập nhật định mức KTKT phù hợp thực tiễn và công nghệ mới.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
14	Xây dựng Thông tư ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành nông nghiệp và môi trường.	2026	Thống nhất chỉ tiêu thống kê phục vụ quản lý, báo cáo.	NSNN	Vụ Kế hoạch - Tài chính; Cục Chuyển đổi số,	
15	Xây dựng Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống ngành nông nghiệp và môi trường.	2026	Chuẩn hóa chế độ báo cáo, giám trùng lặp, nâng cao chất lượng số liệu.	NSNN	Vụ Kế hoạch - Tài chính; Cục Chuyển đổi số.	
B	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN					
1	Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (Giai đoạn I).	2023-2026	Nền tảng dữ liệu, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin vận hành hiệu quả, bảo đảm an toàn thông tin.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
2	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường kết nối liên thông với các bộ, ngành, địa phương.	2026-2030	CSDL nông nghiệp và môi trường được hoàn thiện, kết nối liên thông.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
3	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng số, an toàn thông tin dùng chung Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	2026-2030	Hạ tầng số được nâng cấp, mở rộng, đảm bảo an toàn thông tin chung cho Bộ.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kết quả đạt được, hiệu quả đem lại	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
4	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu nhà đất do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý.	2024 - 2026	Hệ thống thông tin vận hành hiệu quả, bảo đảm an toàn thông tin.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
5	Hoàn thiện Hệ thống báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và môi trường, tích hợp với cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia.	2024 - 2026	Hệ thống thông tin vận hành hiệu quả, bảo đảm an toàn thông tin.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
6	Ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quan trắc, giám sát ô nhiễm môi trường không khí xuyên biên giới.	2024-2026	Hệ thống thông tin vận hành hiệu quả, bảo đảm an toàn thông tin.	NSNN	Cục Viễn thám	
7	Hợp nhất hệ thống thư viện điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành nền tảng số tri thức ngành Nông nghiệp và Môi trường.	2026-2027	Hệ thống thông tin vận hành hiệu quả, bảo đảm an toàn thông tin.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
8	Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	2026-2027	Hệ thống thông tin vận hành hiệu quả, bảo đảm an toàn thông tin.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
9	Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, mô hình số để hỗ trợ ra quyết định điều hòa phân bổ nguồn nước trên các lưu vực sông lớn của Việt Nam.	2026-2029	Hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân bổ nguồn nước trên các lưu vực sông lớn.	NSNN	Cục Quản lý Tài nguyên nước	
10	Đầu tư nâng cấp hệ thống theo dõi, giám sát việc phối hợp vận hành theo quy trình vận hành liên hồ chứa lớn, quan trọng trên 11 lưu vực sông theo thời gian thực.	2025-2028	Hỗ trợ giám sát, điều hành vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông theo thời gian thực.	NSNN	Cục Quản lý Tài nguyên nước	
11	Rà soát thông tin, chuẩn hóa dữ liệu điều tra cơ bản tài nguyên nước lưu vực sông Hồng - Thái Bình.	2025-2027	Chuẩn hóa dữ liệu điều tra tài nguyên nước phục vụ quản lý lưu vực sông Hồng – Thái Bình.	NSNN	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kết quả đạt được, hiệu quả đem lại	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
12	Hệ thống điều tra khảo sát tài nguyên nước thuộc dự án xây dựng ứng dụng chuyển đổi số và cơ sở dữ liệu phục vụ điều tra, đánh giá lập bản đồ tài nguyên nước lưu vực sông Cả (năm 2026).	2026	Hệ thống được vận hành trên nền tảng số, dữ liệu được thu thập, chuẩn hóa, tích hợp đồng bộ	NSNN	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	
13	Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, bão lũ để kịp thời triển khai các giải pháp phòng, chống, ứng phó phù hợp.	2025- 2030	Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai phục vụ phòng, chống và ứng phó kịp thời.	NSNN	Cục Khí tượng Thủy văn	
14	Xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện phương thức ứng phó theo cấp độ rủi ro thiên tai kết nối với Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương.	2025 - 2030	Hỗ trợ chỉ đạo, điều hành ứng phó thiên tai.	NSNN	Cục Khí tượng Thủy văn	
15	Xây dựng và vận hành Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia đáp ứng Chính phủ điện tử ngành tài nguyên và môi trường (giai đoạn 2).	2024-2026	Hình thành nền tảng dữ liệu môi trường quốc gia.	NSNN	Cục Môi trường	
16	Hoàn thiện hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc lĩnh vực môi trường.	2026-2027	Hệ thống thống quản lý dữ liệu quan trắc được hoàn thiện	NSNN	Cục Môi trường	
17	Quản lý, công bố thông tin môi trường; duy trì, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia và chuyên ngành.	2026	Bảo đảm khai thác dữ liệu môi trường hiệu quả.	NSNN	Cục Môi trường	
18	Quản lý, công bố, công khai thông tin về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Duy trì, vận hành, nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia và chuyên ngành.	2026	Hỗ trợ quản lý bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học.	NSNN	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	
19	Nhiệm vụ vận hành hệ thống giám sát tàu cá, cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản và đường truyền MetroNet (giai đoạn 2026-2030).	2026-2030	Hỗ trợ giám sát tàu cá, quản lý thủy sản.	NSNN	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kết quả đạt được, hiệu quả đem lại	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
20	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu nghề cá Quốc gia mới	2026	Hình thành cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia.	NSNN	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	
21	Nâng cấp, mở rộng hệ thống chứng nhận nguồn gốc điện tử phục vụ công tác chứng nhận và xác nhận theo quy định.	2026	Hỗ trợ chứng nhận nguồn gốc điện tử.	NSNN	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	
22	Nâng cấp, mở rộng phần mềm Cơ sở dữ liệu về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác thủy sản.	2026	Hỗ trợ quản lý xử phạt vi phạm thủy sản.	NSNN	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	
23	Xây dựng nâng cấp mở rộng cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia hệ thống chứng nhận nguồn gốc, phần mềm xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản và phần mềm giám sát tàu cá.	2026	Hỗ trợ quản lý nghề cá và chứng nhận nguồn gốc.	NSNN	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	
24	Cung cấp dịch vụ công phục vụ công tác ngành quản lý thủy sản (cung cấp sản phẩm dịch vụ công Giám sát tàu cá; vụ cung cấp sản phẩm dịch vụ công quản trị hệ thống, vận hành trung tâm dữ liệu thủy sản; cung cấp sản phẩm dịch vụ công: Xây dựng cơ sở dữ liệu, ấn phẩm, phổ biến thông tin thủy sản và cập nhật dữ liệu hàng năm; cung cấp sản phẩm dịch vụ công thông tin kiểm ngư, thông tin sự cố nghề cá trên biển và đường dây nóng Việt Nam với các nước).	2026	Hỗ trợ cung cấp dịch vụ công lĩnh vực thủy sản.	NSNN	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	
25	Rà soát, cập nhật thông tin, dữ liệu và nâng cấp tính năng Hệ thống cơ sở dữ liệu Web-Gis đề điều; Hệ thống cơ sở dữ liệu Web-GIS sạt lở bờ sông, bờ biển để bảo đảm thống nhất với kiến trúc dữ liệu, nền tảng ngành và phù hợp với địa giới hành chính các tỉnh, thành phố sau sáp nhập.	2026	Chuẩn hóa dữ liệu Web-GIS phục vụ quản lý đề điều, sạt lở bờ sông, bờ biển.	NSNN	Cục Quản lý đề điều và Phòng chống thiên tai	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kết quả đạt được, hiệu quả đem lại	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
26	Rà soát, hoàn thiện hồ sơ các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu để xác định mức độ an toàn hệ thống thông tin theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP.	2026	Đánh giá mức độ an toàn hệ thống thông tin.	NSNN	Cục Quản lý đề điều và Phòng chống thiên tai	
27	Triển khai, hoàn thiện Nền tảng Quốc gia về Chăn nuôi và Thú y.	2026	Nền tảng Quốc gia về Chăn nuôi và Thú y được hình thành.	NSNN	Cục Chăn nuôi và Thú y/ Cục Chuyển đổi số	
28	Xây dựng Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Chăn nuôi và Thú y.	2026	Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Chăn nuôi và Thú y được xây dựng, cập nhật.	NSNN	Cục Chăn nuôi và Thú y	
29	Nhiệm vụ Ứng dụng chuyển đổi số nâng cao hiệu quả thông tin, truyền thông qua Công thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	2026	Nâng cao hiệu quả thông tin, truyền thông số.	NSNN	Văn phòng Bộ	
30	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.	2026-2030	Hỗ trợ quản lý dữ liệu giảm nghèo.	NSNN	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo	
31	Phần mềm quản lý đào tạo tại Trường Cao đẳng công nghệ kinh tế và Thủy lợi Miền trung.	2026	Hỗ trợ quản lý hoạt động đào tạo.	NSNN	Trường Cao đẳng công nghệ kinh tế và Thủy lợi Miền trung	
32	Xây dựng phần mềm và cơ sở dữ liệu phần mềm quản trị trường Đại học Lâm nghiệp.	2026	Hỗ trợ quản trị Đại học trên nền tảng số.	NSNN	Trường Đại học Lâm nghiệp	
33	Nâng cấp, mở rộng phần mềm quản trị trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản.	2026	Nâng cao hiệu quả quản trị đơn vị.	NSNN	Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản	
34	Điều tra, khảo sát đánh giá tình hình phát sinh, phân loại, thu gom, tái chế, xử lý chất thải nhựa; xây dựng hệ thống thông tin, CSDL quản lý chất thải nhựa; đề	2025-2026	Hỗ trợ quản lý chất thải nhựa.	NSNN	Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kết quả đạt được, hiệu quả đem lại	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
	xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách và quy định về quản lý chất thải nhựa.					
35	Xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng cho hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam.	2025-2026	Hỗ trợ quản lý chất lượng kiểm định, thử nghiệm.	NSNN	Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường	
36	Xây dựng hệ thống thông tin giám sát và dự báo chất lượng nước tích hợp phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và kiểm soát CLMT nước lưu vực sông, thử nghiệm cho Lưu vực sông Cầu.	2025-2027	Hỗ trợ giám sát, dự báo chất lượng nước.	NSNN	Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường	
37	Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về kiểm soát ô nhiễm môi trường.	2025-2027	Hỗ trợ quản lý kiểm soát ô nhiễm môi trường.	NSNN	Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường	
38	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chỉ số thửa đất, tài sản gắn liền với đất.	2025 - 2026	Hỗ trợ quản lý địa chỉ số và tài sản gắn liền với đất.	NSNN	Cục Đất đai	
39	Nghiên cứu, giám sát và sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phát hiện và phòng chống với các loại dịch bệnh nguy hiểm trên động vật và bệnh truyền lây sang người.	2026-2030	Hỗ trợ giám sát, phòng chống dịch bệnh động vật.	NSNN	Cục Chăn nuôi và Thú y	
40	Nghiên cứu xây dựng và tích hợp hệ thống dữ liệu lớn, chuyển đổi số trong dự báo ngư trường, giám sát hoạt động tàu cá, quản lý sản lượng khai thác và kiểm soát khai thác hải sản bất hợp pháp (IUU).	2026-2030	Hỗ trợ quản lý khai thác và kiểm soát IUU.	NSNN	Viện Nghiên cứu Hải sản	
41	Nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI) và IoT trong giám sát, cảnh báo sớm và phòng chống dịch bệnh trên động vật thủy sản.	2026-2030	Hỗ trợ giám sát, cảnh báo dịch bệnh thủy sản.	NSNN	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II	
42	Xây dựng cơ sở dữ liệu số về các loại gỗ Việt Nam, gỗ nhập khẩu chủ yếu.	2026-2030	Hỗ trợ quản lý dữ liệu về các loại gỗ.	NSNN	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kết quả đạt được, hiệu quả đem lại	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
43	Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý rừng trồng sản xuất, tổ chức chuỗi cung và truy xuất nguồn gốc gỗ hợp pháp (giống, lập địa, kỹ thuật lâm sinh, sâu bệnh hại và thông tin truy xuất nguồn gốc gỗ) bằng việc ứng dụng dữ liệu lớn, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo.	2026-2027	Hỗ trợ quản lý rừng trồng và truy xuất nguồn gốc gỗ.	NSNN	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	
44	Nghiên cứu xây dựng Trợ lý ảo thông minh ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI agent) phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.	2026-2027	Hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về đất đai.	NSNN	Cục Quản lý đất đai	
45	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống tự động nhận dạng dữ liệu môi trường bằng trí tuệ nhân tạo, kết hợp trợ lý ảo và nhận dạng giọng nói phục vụ nghiệp vụ quản lý môi trường.	2026-2027	Hỗ trợ quản lý môi trường trên nền tảng số.	NSNN	Cục Môi trường	
46	Nghiên cứu phát triển nền tảng số tích hợp quốc gia về tài nguyên nước trên cơ sở ứng dụng công nghệ lõi: trí tuệ nhân tạo, bản sao số và dữ liệu lớn.	2026-2028	Hỗ trợ quản lý, khai thác tài nguyên nước.	NSNN	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	
47	Nghiên cứu xây dựng hệ thống giám sát thông minh lĩnh vực nông nghiệp, môi trường bằng công nghệ viễn thám và trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.	2026-2028	Hỗ trợ giám sát nông nghiệp, môi trường.	NSNN	Cục Viễn thám quốc gia	
48	Hoàn thiện hệ thống dự báo thời tiết đa quy mô cho Việt Nam bằng mô hình AI và Big data.	2026-2028	Nâng cao năng lực dự báo thời tiết.	NSNN	Cục Khí tượng thủy văn	
49	Nghiên cứu xây dựng hệ thống đánh giá tác động của biến đổi khí hậu trong ngành nông nghiệp và môi trường trên nền tảng dữ liệu lớn (BigData) kết hợp trí tuệ nhân tạo (AI).	2026-2029	Hỗ trợ đánh giá tác động biến đổi khí hậu.	NSNN	Viện Khoa học khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kết quả đạt được, hiệu quả đem lại	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
50	Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây trong thu nhận, xử lý, cập nhật và cung cấp dữ liệu không gian địa lý quốc gia.	2026-2030	Hỗ trợ quản lý, khai thác dữ liệu không gian địa lý.	NSNN		
51	Xây dựng và nhân rộng các mô hình điểm ứng dụng thành công công nghệ số (AI, IoT, Big Data) trong các chuỗi giá trị nông sản chủ lực và trong công tác giám sát, cảnh báo sớm các vấn đề môi trường.	2026-2027	Hỗ trợ giám sát, cảnh báo môi trường nông nghiệp.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
C	NHIỆM VỤ DUY TRÌ, VẬN HÀNH HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HỆ THỐNG THÔNG TIN, CSDL					
52	Duy trì hoạt động trang thông tin điện tử và mạng thông tin nội bộ.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
53	Nhiệm vụ đặc thù về quản trị, vận hành và duy trì hệ thống CSHT công nghệ thông tin của Bộ NN&MT.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
54	Bảo quản kho tư liệu, chỉnh lý sắp xếp và lưu trữ.	Hàng năm	Bảo đảm an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
55	Cập nhật các bộ đơn giá của các lĩnh vực NN&MT.	Hàng năm	Các bộ đơn giá được cập nhật	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
56	Duy trì vận hành các hệ thống thông tin (chỉ tiêu thống kê, HSCV, CBCC, thanh tra, thủ tục hành chính, QL DT-QT NSNN,...)	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
57	Ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
58	Nhiệm vụ "Duy trì vận hành Trung tâm dữ liệu vùng đồng bằng sông Cửu Long"	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Chuyển đổi số	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kết quả đạt được, hiệu quả đem lại	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
59	Vận hành và duy trì hệ thống theo dõi và quản lý diễn biến nguồn nước mặt, nước dưới đất và hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả thải vào nguồn nước phục vụ giám sát việc tuân thủ giấy phép tài nguyên nước và công tác chỉ đạo điều hành	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
60	Đường truyền Internet của Bộ (Băng thông 100Mb quốc tế và 500Mb trong nước).	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
61	Phân tích dự báo và thống kê ngành nông nghiệp.	Hàng năm	Hỗ trợ phân tích, dự báo và thống kê ngành nông nghiệp.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
62	Đánh giá kiểm tra ATTTT cho các hệ thống thông tin theo cấp độ (3 hệ thống).	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
63	Thu thập, tổng hợp, xử lý số liệu về các chỉ tiêu giám sát thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 và nhập số liệu lên website.	Hàng năm	Hỗ trợ thu thập, tổng hợp và giám sát dữ liệu chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn.	NSNN	Cục Chuyển đổi số	
64	Duy trì hoạt động và quản lý trang thông tin điện tử, mạng thông tin nội bộ, bản tin tài nguyên nước.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Quản lý Tài nguyên nước	
65	Bảo quản kho tư liệu, sắp xếp, chỉnh lý tài liệu lưu trữ Cục Quản lý đất đai.	Hàng năm	Bảo đảm an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Quản lý đất đai	
66	Thuê bao đường truyền Internet.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Quản lý đất đai	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kết quả đạt được, hiệu quả đem lại	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
67	Quản lý hệ thống mạng và cập nhật dữ liệu thông tin trang Web Cục Quản lý đất đai.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Quản lý đất đai	
68	Duy trì hoạt động trang thông tin điện tử và mạng thông tin nội bộ.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Trung tâm QH ĐTTNN	
69	Công tác thông tin địa chất.	Hàng năm	Bảo đảm an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
70	Công tác lưu trữ địa chất.	Hàng năm	Bảo đảm an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
71	Giám sát, cập nhật, xử lý thông tin, dữ liệu tai biến địa chất và đánh giá các tình huống khẩn cấp.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
72	Chi công tác thông tin, dữ liệu chuyên ngành KTTV.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Khí tượng Thủy văn	
73	Chi thuê dịch vụ đo mưa tự động.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Khí tượng Thủy văn	
74	Duy trì hoạt động, quản lý Cổng thông tin điện tử Cục KTTV và biên tập, xuất bản Tạp chí KTTV.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Khí tượng Thủy văn	
75	Thuê dịch vụ duy trì hoạt động hệ thống cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin của Cục KTTV.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Khí tượng Thủy văn	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kết quả đạt được, hiệu quả đem lại	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
76	Vận hành, bảo trì mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia (Trạm Cors).	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	
77	Duy trì hoạt động và vận hành, khai thác dữ liệu của Cơ sở dữ liệu biển quốc gia về các kết quả điều tra cơ bản điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường các vùng biển Việt Nam.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Biển và hải đảo	
78	Duy trì hoạt động và vận hành Trang thông tin điện tử của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Biển và hải đảo	
79	Cập nhật dữ liệu và hoàn thiện các phần mềm thuộc Hệ thống kỹ thuật phục vụ công tác giao khu vực biển; thống kê, kiểm kê, xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu về giao, sử dụng khu vực biển trên phạm vi cả nước.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Biển và hải đảo	
80	Đề án đặc thù “Thông tin quản lý nhà nước về hoạt động viễn thám”.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Viễn thám	
81	Vận hành, duy trì hệ thống và cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Viễn thám	
82	Duy trì vận hành cập nhật, khai thác, quản trị CSDL lĩnh vực lâm nghiệp.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
83	Duy trì hoạt động và cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kết quả đạt được, hiệu quả đem lại	Nguồn kinh phí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
84	Duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản chủ lực của Việt Nam giai đoạn 2024-2026.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Viện Chiến lược, chính sách nông nghiệp và môi trường	
85	Duy trì trang web, hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược (gạo, cà phê và rau quả) giai đoạn 2024-2026.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Viện Chiến lược, chính sách nông nghiệp và môi trường	
86	Duy trì hoạt động trang thông tin điện tử và mạng thông tin nội bộ của Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	
87	Quản lý và vận hành Hệ thống Điều hành - Quản trị - Tác nghiệp tài nguyên nước quốc gia.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	
88	Duy trì Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.	Hàng năm	Bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả	NSNN	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	